

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **140/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 15-8-2024

“V/v ly hôn và tranh chấp về con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Ông Hồ Tùng Mận

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Kiều Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2024/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vàng Thị Hoàng N - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A P, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Quang T - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà A, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vàng Thị Hoàng N trình bày có nội dung:

Bà Vàng Thị Hoàng N và ông Đặng Quang T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08 tháng 01 năm 2006.

Quá trình chung sống, bà N và ông T có 05 con chung Đặng Quang L, sinh ngày 24/02/2003; Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/02/2005; Đặng Quang K, sinh

ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014.

Bà N và ông T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu. Đến thời gian sau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống hằng ngày không có tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông T hay xúc phạm bà N và gia đình bà N, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Đặng Quang T.

Về con chung: Hiện nay cháu Đặng Quang L và Đặng Thị Ngọc T1 đã đủ 18 tuổi, bà Vàng Thị Hoàng N không yêu cầu giải quyết.

Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu Đặng Quang K, Đặng Khánh N1, Đặng Khánh N2. Do hiện nay bà N đang đi ở trọ, chưa có nhà, chỗ ở ổn định nên bà N đồng ý giao cả 03 cháu cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vàng Thị Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Quang T trình bày có nội dung:

Ông Đặng Quang T và bà Vàng Thị Hoàng N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08 tháng 01 năm 2006.

Quá trình chung sống có 05 con chung là Đặng Quang L, sinh ngày 24/02/2003; Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/02/2005; Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian đầu, thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N đi ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ông T đã nhiều lần khuyên can mà bà N không thay đổi để vợ chồng chung sống nuôi dạy các con. Bà N đã bỏ nhà đi từ ngày 15/12/2023 đến nay. Nay bà N có đơn giải quyết ly hôn thì ông T không đồng ý, ông T muốn bà N có thời gian suy nghĩ lại, có trách nhiệm với con cái.

Về con chung: Hiện nay cháu Đặng Quang L và Đặng Thị Ngọc T1 đã đủ 18 tuổi, ông Đặng Quang T không yêu cầu giải quyết. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu Đặng Quang K, Đặng Khánh N1, Đặng Khánh N2 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên toà, bà Vàng Thị Hoàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Quang T. Về con chung: Hiện nay, con chung là các cháu Đặng Quang L, sinh ngày 24/02/2003; Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/02/2005 đã đủ 18 tuổi, bà Vàng Thị Hoàng N không yêu cầu giải quyết. Bà Vàng Thị Hoàng N đồng ý giao con chung là các cháu Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014 cho ông Đặng Quang T được trực chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Vàng Thị Hoàng N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vàng Thị Hoàng N ly hôn với ông Đặng Quang T. Về con chung: Giao 03 cháu Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014 cho ông Đặng Quang T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Vàng Thị Hoàng N được thăm nom con mà không bị ai cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vàng Thị Hoàng N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung. Bị đơn ông Đặng Quang T hiện đang cư trú tại: Số nhà A, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đặng Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Vàng Thị Hoàng N và ông Đặng Quang T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08 tháng 01 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống ông T và bà N chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian đầu, thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống hằng ngày không có tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, bạo lực gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Đặng Quang T.

[3.2] Ý kiến của bị đơn ông Đặng Quang T trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N đi ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ông T đã nhiều lần khuyên can mà bà N không thay đổi để vợ chồng chung sống nuôi dạy các con và bà N đã bỏ nhà đi từ ngày 15/12/2023 đến nay. Vì vậy, việc bà N đề nghị giải quyết ly hôn thì ông T không đồng ý, ông T muốn bà N có thời gian suy nghĩ lại, có trách nhiệm với con cái. Tuy nhiên ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà N đi ngoại tình và tại phiên tòa bà N không thừa nhận, bà N xác định do vợ chồng mâu thuẫn, ông T thường xuyên xúc phạm bà N nên bà N phải đi thuê trọ nơi khác để ở chứ không phải bà N có người khác.

[3.3] Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Ông Đặng Quang T có vợ là bà Vàng Thị Hoàng N, hiện nay ông T và bà N đã sống ly thân. Về mâu thuẫn vợ chồng thì bà N, ông T không yêu cầu hòa giải ở địa phương nên địa phương không nắm được.

[3.4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Vàng Thị Hoàng N và ông Đặng Quang T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Vàng Thị Hoàng N yêu cầu ly hôn với ông Đặng Quang T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Vàng Thị Hoàng N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông T có 05 con chung là Đặng Quang L, sinh ngày 24/02/2003; Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/02/2005; Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014.

Hiện nay cháu Đặng Quang L và Đặng Thị Ngọc T1 đã đủ 18 tuổi, bà Vàng Thị Hoàng N và ông Đặng Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông T đều thống nhất giao 03 con chung là Đặng Quang K, Đặng Khánh N1 và Đặng Khánh N3 cho ông Đặng Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay 03 cháu đều đang sống cùng ông T và nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với ba. Tại phiên tòa, bà N3 có nguyện vọng để ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các

con Đặng Quang K, Đặng Khánh N1 và Đặng Khánh N3. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, cần giao các cháu Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014 cho ông Đặng Quang T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Quang T không yêu cầu bà Vàng Thị Hoàng N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Vàng Thị Hoàng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Vàng Thị Hoàng N.

- Về hôn nhân: Bà Vàng Thị Hoàng N được ly hôn với ông Đặng Quang T.

- Về con chung: Cháu Đặng Quang L, sinh ngày 24/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/02/2005 đã đủ 18 tuổi, bà Vàng Thị Hoàng N và ông Đặng Quang T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Giao con chung cháu Đặng Quang K, sinh ngày 26/12/2008; Đặng Khánh N1, sinh ngày 05/11/2012 và Đặng Khánh N2, sinh ngày 16/7/2014 cho ông Đặng Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Đặng Quang K, Đặng Khánh N1, Đặng Khánh N2 đủ tuổi thành niên.

Bà Vàng Thị Hoàng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Quang T không yêu cầu bà Vàng Thị Hoàng N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vàng Thị Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vàng Thị Hoàng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Vàng Thị Hoàng N đã nộp (Lê Thị H nộp thay) theo biên lai thu số AA/2023/0010016 ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông